TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **356**/2019/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 26 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 347/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị N, sinh năm 1995
- Bị đơn: Anh Cù Văn T, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nông Thị N. và anh Cù Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao cháu Cù Anh T, sinh ngày 10/6/2014 cho anh Cù Văn T. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Nông Thị N. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cù Anh T, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi cháu Cù Anh T. đủ 18 tuổi.

Chị Nông Thị N. có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Khoản tiền chị Nông Thị N. phải cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và anh Cù Văn T. có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N. chậm nộp tiền cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về tài sản, đất đai, công nợ chung:* Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Nông Thị N. tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001042, ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Cù Văn T. không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- THADS TP Tuyên Quang;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.

Tạ Hồng Chiến